

V/v giải trình báo cáo kết quả kinh doanh
hợp nhất quý 3 năm 2022

Kính gửi:

- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2022

STT	CHỈ TIÊU	Mã	QUÝ 3 NĂM 2022	QUÝ 3 NĂM 2021	CHÈNH LỆCH	%
		số				
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	340.817.781.668	303.022.946.175	37.794.835.493	112,47
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2	-	2.090.658.764	(2.090.658.764)	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 10 - 01)	10	340.817.781.668	300.932.287.411	39.885.494.257	113,25
4	Giá vốn hàng bán	11	219.106.681.244	205.329.928.651	13.776.752.593	106,71
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	121.711.100.424	95.602.358.760	26.108.741.664	127,31
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	17.575.643.822	11.116.876.246	6.458.767.576	158,10
7	Chi phí tài chính	22	152.346.712	1.369.996.915	(1.217.650.203)	11,12
	Trong đó : Chi phí lãi vay	23	78.029.475	945.627.188	(867.597.713)	8,25
8	Chi phí bán hàng	24	4.950.452.881	3.989.758.061	960.694.820	124,08
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	25.834.066.198	17.454.259.207	8.379.806.991	148,01
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh { 30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25) }	30	108.349.878.455	83.905.220.823	24.444.657.632	129,13
11	Thu nhập khác	31	12.898.033.820	15.083.969.660	(2.185.935.840)	85,51
12	Chi phí khác	32	4.799.913.291	8.604.388.701	(3.804.475.410)	55,78
13	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	8.098.120.529	6.479.580.959	1.618.539.570	124,98
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (=30+40)	50	116.447.998.984	90.384.801.782	26.063.197.202	128,84
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	18.931.444.149	14.346.539.231	4.584.904.918	131,96
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-	
17	Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	97.516.554.835	76.038.262.551	21.478.292.284	128,25
18	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	85.046.863.593	68.702.910.653	16.343.952.940	123,79
19	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	12.469.691.242	7.335.351.898	5.134.339.344	169,99
20	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	1.978	1.598		
21	Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	989	1.598		

Giải Trình:

Trong quý 3 năm 2021: Sản lượng tiêu thụ là: 4.863,18 tấn; Giá bán bình quân: 41.042.738 VND/tấn.

Trong quý 3 năm 2022: Sản lượng tiêu thụ là: 3.825,24 tấn; Giá bán bình quân: 39.702.596 VND/tấn.

Do:

+ Sản lượng tiêu thụ quý 3 năm 2022 thấp hơn quý 3 năm 2021 và giá bán bình quân thấp hơn quý 3 năm 2021.

(giá bán bình quân quý 3 năm 2022 giảm: 1.340.140 VND/tấn hay giảm: 3,27% so với quý 3 năm 2021).

+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh quý 3 năm 2022 tăng: 24.444.657.632 VND hay tăng 29,13% so với quý 3 năm 2021. (chủ yếu do cây cao su thanh lý tăng)

+ Lợi nhuận khác quý 3 năm 2022 tăng: 1.618.539.570 VND hay tăng 24,98% so với quý 3 năm 2021.

Do đó, lợi nhuận sau thuế quý 3 năm 2022 tăng: 21.478.292.284 VND hay giảm: 28,25% so với quý 3 năm 2021

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, N.Vu (b)



Hồ Cường